

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 8 - 2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LT, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Ánh Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Khuyên

Ông Nguyễn Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Minh Triều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Không Thị Phú Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2024/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thu H**, sinh năm 2001 (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Trần T**, sinh năm 1998 (có mặt)

Đều cư trú: **Thôn V, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị **Trần Thu H** trình bày: Chị và anh **Trần T** kết hôn ngày 02/2/2021 trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh **T** khoảng 01 đến 02 tháng thì vợ chồng ra ở riêng, quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 10/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng nghi ngờ không tin tưởng nhau dẫn đến vợ chồng hay đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2024 đến nay, quá trình sống ly thân vợ chồng và gia đình hai bên gia đình có thu xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Nay chị **H**

xác định tình cảm vợ chồng không còn chi đề nghị Tòa án giải quyết cho chi được ly hôn với anh **T**.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Trần Minh K**, sinh ngày 21/8/2022, hiện nay cháu **K** đang ở với anh **T**. Ly hôn chị **H** đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu **K** và không yêu cầu anh **T** phải đóng góp nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị bán hàng quần áo thu nhập bình quân là 15.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Trần T** trình bày: Anh **T** thống nhất về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời điểm mâu thuẫn, một phần nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày, ngoài ra do chị **H** ngoại tình dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2024 đến nay, quá trình sống ly thân vợ chồng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm. Anh xác định không còn tình cảm với chị **H**, chị **H** xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh **T** xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu **Trần Minh K**, sinh ngày 21/8/2022, hiện nay cháu **K** đang ở với anh. Ly hôn anh **T** đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu **K** và không yêu cầu chị **H** cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện nay anh bán hàng quần áo thu nhập bình quân là 30.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT phát biểu quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng mọi trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Cho chị **Trần Thu H** được ly hôn với anh **Trần Trí**. Về con chung giao cho chị **H** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Trần Minh K** và anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **H**. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị **Trần Thu H** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con; bị đơn anh **Trần T** có hộ

khẩu thường trú tại xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện LT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng nghi ngờ không tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến vợ chồng đánh cãi chửi nhau; anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do chị H ngoại tình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng hiện nay không còn quan tâm chăm sóc và sinh sống cùng nhau. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại địa phương và được biết chị H và anh T có phát sinh mâu thuẫn, hiện nay chị H không ở địa phương. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn anh T, anh T đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị H điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H đề nghị được ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Trần Minh K, sinh ngày 21/8/2022, hiện nay cháu K đang ở với anh T. Ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu K và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị; Anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu K và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Nguyên vọng nuôi con của chị H và anh T là chính đáng, chị H, anh T tuy làm nghề lao động tự do nhưng đều có thu nhập, đủ điều kiện trực tiếp nuôi con.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...”. Cháu K hiện nay còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần nhiều sự chăm sóc của người mẹ, do vậy để đảm bảo lợi ích của cháu K theo quy định của pháp luật cần chấp nhận yêu cầu của chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K là phù hợp. Do chị H không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị **Trần Thu H** tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị **Trần Thu H** được ly hôn anh **Trần Trí**.
2. Về con chung: Chị **Trần Thu H** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Trần Minh K**, sinh ngày 21/8/2022. Anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **H** và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **Trần Thu H** tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm nghìn đồng) tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000398 ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; Hoàn trả chị **H** 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.
4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện LT;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện LT;
- UBND xã Đồng Ích (ĐKKH năm 2021);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Kim Thị Ánh Vân

